

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 13 - 5 - 2020
V/v "*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Minh C**, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp HB, Xã MT, huyện CT, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn P**, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp PN, Xã MT B, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Võ Thị Minh C trình bày: Vào năm 2012, chị và anh Trương Văn Pg tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc và rất yêu thương nhau và có người con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 12/8/2014, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa và không còn hạnh phúc. Anh chị nhiều lần hàn gắn

nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Đến nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa chị Võ Thị Minh C yêu cầu:

- Về hôn nhân: xin được ly hôn với anh Trương Văn P.
- Về việc nuôi con chung: Chị đồng ý giao người con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 12/8/2014 cho anh P chăm sóc nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Trương Văn P:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh P nhưng anh P không đến và cũng không có bản tự khai. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, anh Trương Văn P trình bày: Về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung thì anh P xác nhận đúng như lời trình bày của chị C, với các yêu cầu của chị C thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Không ý ly hôn với chị Võ Thị Minh C.

- Về việc nuôi con chung: Anh thống nhất với ý kiến của chị C là anh sẽ nuôi dưỡng 01 người con chung tên Nguyễn Thiện N sinh ngày 12/8/2014. Anh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Minh C thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Võ Thị Minh C yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trương Văn P và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thiện N sinh ngày 12/8/2014, anh P không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

[3] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Minh C cho rằng vào năm 2003, chị và anh Trương Văn P tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hòa thuận. Nhưng thời gian gần đây thì giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Anh chị đã sống ly thân với nhau nhiều năm nay. Đến nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị Võ Thị Minh C và anh Trương Văn P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa chị C vẫn cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh P. Do đó việc xin ly hôn của chị C đối với anh P là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Minh C đối với anh Trương Văn P.

[4] - Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Võ Thị Minh C và anh Trương Văn P là chị C đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thiện N sinh ngày 12/8/2014 cho anh P dục nuôi dưỡng. Anh P không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[5] - Về tài sản chung: Chị Võ Thị Minh C và anh Trương Văn P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

[6] - Về nợ chung vợ chồng: Chị Võ Thị Minh C và anh Trương Văn P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[7] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Võ Thị Minh C phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002160 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 57; Điều 80; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị Minh C đối với bị đơn anh Trương Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Võ Thị Minh C được ly hôn với bị đơn anh Trương Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị Võ Thị Minh C và anh Trương Văn P là chị C đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 12/8/2014 cho anh P tiếp tục trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng. Anh P không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Minh C và anh Trương Văn P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung vợ chồng: Chị Võ Thị Minh C và anh Trương Văn P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn Võ Thị Minh C phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002160 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: hồ sơ; V.phòng.

Mai Tấn Đầu